TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 882/2019/QĐST-VHNGĐ	*Thành phố B, ngày 24 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 995/2019/TLST-VHNGĐ, ngày 16/5/2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

Bà **Trầm Thị Kiều L**, sinh năm 1976.

Ông **Đặng Xuân Kh**, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Tổ 6, khu phố 3, phường Trảng Dài, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trầm Thị Kiều L và ông Đặng Xuân Kh tự nguyện kết hôn với nhau, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn Liên Sơn, huyện L, tỉnh Đắc Lắk cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/4/2004 nên căn cứ Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay bà L và ông Kh xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố B công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Đặng Thị Minh Kh, sinh ngày 27/3/2005 và cháu Đặng Hà M, sinh ngày 02/6/2012. Ly hôn, bà L và ông Kh thỏa thuận giao cháu Kh cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu M cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Các bên khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Bà Trầm Thị Kiều L và ông Đặng Xuân K mỗi người phải chịu 150.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà L , ông K đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008038 ngày 16/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 16 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trầm Thị Kiều L , sinh năm 1976 và ông Đặng Xuân K , sinh năm 1975 thuận tình ly hôn với nhau.

- Về con chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa ông K và bà L, giao cháu Kh cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu M cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông K, bà L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản ông K, bà L thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi vị trí nuôi con, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các bên trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí Tòa án: Bà Trầm Thị Kiều L và ông Đặng Xuân K mỗi người phải chịu 150.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà L, ông K đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008038 ngày 16/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Đào